

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ KINH MÔN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**  
Số: 03/2022/QĐST-VDS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Kinh Môn, ngày 08 tháng 7 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Ông Đào Văn Phúc.

***Thư ký phiên họp:*** Bà Nguyễn Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:*** Bà Nguyễn Thị Nhung-Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 07/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022, về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2022/QĐST-VDS ngày 28/6/2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu:*** Chị Vũ Thị L, sinh ngày 31/3/1981 (*Trong Giấy chứng nhận kết hôn ghi năm sinh là 1979*); địa chỉ: Xóm N, xã MH, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên họp (Có đơn xin vắng mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Anh Trương Văn H, sinh ngày 12/10/1976 (*Trong Giấy chứng nhận kết hôn ghi năm sinh là 1975*); địa chỉ: Xóm N, xã MH, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên họp (Có đơn xin vắng mặt).

+ Ủy ban nhân dân (*Viết tắt: UBND*) xã MH, thị xã Kinh Môn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N – Chủ tịch UBND xã.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H – Phó chủ tịch UBND xã MH thị xã Kinh Môn. Giấy ủy quyền ngày 28/6/2022. Bà H vắng mặt tại phiên họp (Có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

- ***Trong đơn yêu cầu và quá trình giải quyết việc dân sự, chị Vũ Thị L - Là người yêu cầu trình bày:***

Chị kết hôn với anh Trương Văn H, sinh năm 1976 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02/01/1998 tại UBND xã MH, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Tại thời điểm kết hôn, chị chưa đủ tuổi, còn anh H đã đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy khi làm thủ tục đăng

ký kết hôn, chị đã khai tăng tuổi của mình, cụ thể chị khai mình sinh năm 1979 nhưng thực tế chị sinh ngày 31/3/1981. Trong tất cả các giấy tờ tùy thân gồm: Giấy khai sinh, căn cước công dân, sổ hộ khẩu đều xác định chị sinh ngày 31/3/1981. Thời điểm đó, anh H cũng không nhớ chính xác năm sinh nên anh H đã khai nhầm năm sinh là 1975, nhưng trên thực tế ngày sinh đúng của anh H là ngày 12/10/1976. Quá trình chung sống chị và anh H hạnh phúc, không có bất kỳ mâu thuẫn gì và đã có 02 con chung là Trương Văn Hùng, sinh năm 1998 và Trương Văn Tiến, sinh năm 2000, đều đã trưởng thành. Đến nay do có nhu cầu chuẩn hóa thông tin hộ tịch, chị đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã MH đính chính thông tin ngày tháng năm sinh của mình và của anh H trong Giấy chứng nhận kết hôn. Tuy nhiên, được UBND xã hướng dẫn, theo quy định của pháp luật, chị phải yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm chị đủ tuổi kết hôn đến nay. Vì vậy chị có đơn đề nghị Tòa án yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh H và đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm chị đủ tuổi kết hôn.

- *Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trương Văn H trình bày:*

Anh và chị L kết hôn ngày 02/01/1998 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MH. Tại thời điểm đăng ký, anh đã đủ tuổi còn chị L chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên chị L đã khai tăng tuổi, cụ thể chị L khai sinh năm 1979 nhưng thực tế chị L sinh ngày 31/3/1981. Trong tất cả các giấy tờ của chị L gồm Giấy khai sinh, căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình đều xác định chị L sinh ngày 31/3/1981. Bản thân anh khi đăng ký kết hôn, anh cũng không nhớ chính xác năm sinh nên đã khai nhầm năm sinh là **1975**, nhưng thực tế ngày tháng năm sinh chính xác của anh là ngày 12/10/1976. Quá trình chung sống anh và chị L hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn và có 02 con chung là Trương Văn Hùng, sinh năm 1998 và Trương Văn Tiến, sinh năm 2000, đều đã trưởng thành. Nay anh nhất trí đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị L và công nhận quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh kể từ thời điểm chị L đủ tuổi kết hôn.

- *Tại biên bản xác minh, UBND xã MH có quan điểm như sau:* Qua kiểm tra Sổ đăng ký kết hôn của UBND xã MH, thể hiện tại **quyển** số 01 ngày 02/01/1998, chị Vũ Thị L và anh Trương Văn H có đăng ký kết hôn tại UBND xã MH, thể hiện năm sinh của chị L là 1979, anh H là 1975.

Chị L và anh H sinh ra và lớn lên tại xã MH, thị xã Kinh Môn. Chị Vũ Thị L là con ông Vũ Văn Mánh và bà Phạm Thị Lông; anh Trương Văn H là con ông Trương Văn Tình và bà Bùi Thị Huân đều là người ở xã MH, thị xã Kinh Môn. Chị L, anh H có con chung là cháu Trương Văn Hùng, sinh năm 1998 và cháu Trương Văn Tiến, sinh năm 2000, đều có **nơi** ĐKKH tại Xóm N, thôn Ngoại, xã MH, thị xã Kinh Môn, Hải Dương.

Đồng thời xác định, chị Vũ Thị L, sinh năm 1979 ghi trong giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 02/01/1998 chính là chị Vũ Thị L, sinh ngày 31/3/1981, CCCD số 030181008131, cấp ngày 10/8/2021; anh Trương Văn H, sinh năm 1975 ghi trong giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 02/01/1998 chính là anh Trương Văn H, sinh ngày 12/10/1976; CCCD số 030076008300, cấp ngày 31/8/2021.

*Tại phiên họp:*

- Chị Vũ Thị L, anh Trương Văn H vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.
- Bà Phạm Thị H vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự theo yêu cầu của chị Vũ Thị L trên cơ sở quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Đây là việc dân sự yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ việc cũng như tại phiên họp giải quyết việc dân sự Thẩm phán và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị L và anh Trương Văn H kể từ ngày 01/4/1998; về lệ phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000đ tiền lệ phí.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về sự vắng mặt của đương sự: Chị L, anh H và đại diện theo pháp luật của UBND xã MH đã được triệu tập tham gia phiên họp nhưng vắng mặt, có đề nghị vắng mặt tại phiên họp. Xét thấy việc vắng mặt của chị L, anh H và đại diện UBND xã MH không ảnh hưởng đến việc giải quyết việc dân sự. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành mở phiên họp xét đơn yêu cầu của chị L vắng mặt chị L, anh H và đại diện UBND xã MH, thị xã Kinh Môn.

[3]. Về nội dung yêu cầu:

- *Xác định thời điểm kết hôn:* Chị L, anh H đều xác định kết hôn với nhau vào ngày 02/01/1998 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Lời khai của chị L, anh H phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 02/01/1998, mà UBND xã MH, thị xã Kinh Môn đã cấp cho chị L, anh H và các tài liệu, chứng cứ khác nên Tòa án có đủ cơ sở xác định chị L, anh H kết hôn vào ngày 02/01/1998.

- *Xác định ngày tháng năm sinh của chị L, anh H:* Tại lời khai chị L, anh H đều xác định ngày tháng năm sinh đúng của chị L là ngày 31/3/1981 và ngày

tháng năm sinh đúng của anh H là ngày 12/10/1976. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn do chị L chưa đủ tuổi kết hôn nên đã khai tăng tuổi. Cụ thể: Chị L khai sinh ngày năm 1979, còn anh H không nhớ chính xác nên đã khai sinh năm 1975.

Trên cơ sở các giấy tờ tùy thân (Căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh) của chị L và của anh H, đồng thời căn cứ Biên bản xác minh thông tin do UBND xã MH cung cấp, có đủ cơ sở xác định ngày tháng năm sinh đúng của chị Vũ Thị L là ngày 31/3/1981; ngày tháng năm sinh đúng của anh Trương Văn H là ngày 12/10/1976.

- *Xác định điều kiện kết hôn*: Chị Vũ Thị L, sinh ngày 31/3/1981 đăng ký kết hôn với anh Trương Văn H, sinh ngày 12/10/1976 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MH, thị xã Kinh Môn vào ngày 02/01/1998. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Trương Văn H đã trên 20 tuổi, còn chị Vũ Thị L có độ tuổi là: 16 tuổi, 09 tháng, 01 ngày. Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 thì việc kết hôn giữa chị Vũ Thị L và anh Trương Văn H đã vi phạm về độ tuổi.

Xét yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của chị L thì thấy: Chị L, anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, chị L, anh H hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn, đã có 02 con và tài sản chung; quá trình giải quyết việc dân sự, chị L, anh H cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân. Căn cứ: Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị L và anh Trương Văn H kể từ thời điểm chị Vũ Thị L đủ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 01/4/1998.

Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 149, khoản 2, 3 Điều 367, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án.

1. *Về yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Vũ Thị L. Công nhận quan hệ hôn nhân của chị Vũ Thị L, sinh ngày 31/3/1981 và anh Trương Văn H, sinh ngày 12/10/1976 kể từ thời điểm chị Vũ Thị L đủ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 01/4/1998.

2. *Lệ phí Tòa án*: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000đ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2020/0001340 ngày 24/6/2022. Chị Vũ Thị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về lệ phí.

3. *Về quyền kháng cáo*: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND xã MH, thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đào Văn Phúc**